

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

*(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)*



**1. Thông tin chung**

- Họ và tên: HUỖNH TRUNG HẢI
- Năm sinh: 1965
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): TS, 1994, Trường Đại học Công nghệ Hóa tinh vi, Mátxcova, Liên bang Nga
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Giáo sư năm 2016, HĐGSNN, Việt Nam

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Hóa học, Hóa môi trường
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):

- + Năm 2009, tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Hóa học, Sinh học và Thực phẩm, Môi trường, Khoa học vật liệu, Vật lý, Dệt May, Thời trang, Kinh tế theo Quyết định số 61/QĐ-HĐCDGSNN ngày 22 tháng 6 năm 2009 của HĐCDGSNN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- + Năm 2010, tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Hóa học, Sinh học và Thực phẩm, Môi trường, Vật lý, Kinh tế theo Quyết định số 286/QĐ-HĐCDGSNN ngày 11 tháng 6 năm 2010 của HĐCDGSNN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- + Năm 2012, tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Hóa học, Sinh học và Thực phẩm, Môi trường, Toán học, Vật lý, Kinh tế theo Quyết định số 84/QĐ-HĐCDGSNN ngày 25 tháng 6 năm 2012 của HĐCDGSNN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- + Năm 2013, tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Điện, Luyện kim, Hóa học, Sinh học và Thực phẩm, Vật lý, Môi trường, theo Quyết định số 79/QĐ-HĐCDGSNN ngày 13 tháng 9 năm 2013 của HĐCDGSNN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- + Năm 2014, tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Công nghệ thông tin, Luyện kim, Hóa học, Sinh học và Thực phẩm, Vật lý, Môi trường theo Quyết định số 61/QĐ-HĐCDGSNN ngày 08 tháng 9 năm 2014 của HĐCDGSNN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội



- + Năm 2015, tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Hóa học, Sinh học và Thực phẩm, Vật lý, Luyện Kim, Môi trường, Kinh tế theo Quyết định số 19/QĐ-HĐCDGSNN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của HĐCDGSNN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
  - + Năm 2017, tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Hóa học, Sinh học và Thực phẩm, Vật lý, Toán học, Luyện Kim, Môi trường, Kinh tế theo Quyết định số 26/QĐ-HĐCDGSNN ngày 28 tháng 8 năm 2017 của HĐCDGSNN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
  - + Năm 2019, Tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng III: Hóa học – Công nghệ thực phẩm theo Quyết định số 1162/QĐ-ĐHKBK-TCCB ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Trường ĐHBK HN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
  - + Năm 2020, Tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Vật lý – Luyện kim – Hóa học theo Quyết định số 665/QĐ-ĐHKBK-TCCB ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Trường ĐHBK HN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
  - + Năm 2021, Tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Vật lý – Luyện kim – Hóa học theo Quyết định số 1282/QĐ-ĐHKBK-TCCB ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Trường ĐHBK HN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
  - + Năm 2022, Tên Hội đồng: Hội đồng Giáo sư cơ sở – Hội đồng II: Vật lý – Luyện kim – Hóa học theo Quyết định số 1651/QĐ-ĐHKBK-TCCB ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Trường ĐHBK HN, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

- + Năm 2019, tên Hội đồng: Hội đồng GS liên ngành Hóa học – Công nghệ thực phẩm theo Quyết định số 19/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 6 năm 2019 của HĐGSNN.
- + Năm 2020, tên Hội đồng: Hội đồng GS liên ngành Hóa học – Công nghệ thực phẩm theo Quyết định số 16/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020 của HĐGSNN.
- + Năm 2021, tên Hội đồng: Hội đồng GS liên ngành Hóa học – Công nghệ thực phẩm theo Quyết định số 25/QĐ-HĐGSNN ngày 21 tháng 10 năm 2021 của HĐGSNN

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

.....  
**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu** (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

### 2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 0 sách chuyên khảo; 02 giáo trình, 02 sách tham khảo.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn):

- Huỳnh Trung Hải (Chủ biên), Hà Vĩnh Hưng, Nguyễn Đức Quảng. Tái sử dụng và tái chế chất thải, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2016, mã số 978-604-67-0702-8.
- Huỳnh Trung Hải (Chủ biên), Văn Diệu Anh. Phân tích chất lượng môi trường, NXB Bách khoa, Hà Nội, 2016, mã số 978-604-93-8859-0.

## 2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

- a) Tổng số đã công bố: 52 bài báo tạp chí trong nước; 39 bài báo tạp chí quốc tế.
- b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước:

- + Văn Diệu Anh, Huỳnh Trung Hải\*, Ngô Huy Thành. Đánh giá kỹ thuật chiết siêu âm trong phân tích dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc cá nhân (PPCPs) trong mẫu trầm tích sông. Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, ISSN 0868-3224, 3A 2021, pp 103-109.
- + Nguyễn Phạm Hồng Liên\*, Huỳnh Trung Hải. Co-digestion of pig manure and household organic waste in domestic biogas digester. Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, ISSN 0868-3224, 3A 2021, pp 227-233
- + Duc-Quang Nguyen, Tien-Thanh Nguyen, Tien-Cuong Vu, Trong-Duong Nguyen, Hoang-Hiep Pham, Trung-Hai Huynh. End-of life vehicles management and initial estimation of the material flow from ELV in Viet Nam. Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam, ISSN 0866-708X, 2020, pp 138-149
- + Phạm Thị Thanh Yên, Nguyễn Quang Trung, Huỳnh Trung Hải. Sự tích tụ kháng sinh Sulfometathoxazole, Trimethoprim, Ciprofloxacin, Norfloxacin và Ofloxacin trong mô cá rô phi ở một số hồ Hà Nội. Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, ISSN 0868-3224, 2019, pp 24-29.
- + Nguyen Duc Quang, Ha Vĩnh Hưng, Vu Minh Trang, Le Huy Viet, Huynh Trung Hai. Preliminary study of separation of rare earth metals from leach solution of discarded fluorescent powder by solvent extraction. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam, ISSN 0866-708X, 2018, pp 133-139.
- + Pham Khanh Huy, Nguyen Thi Thu Huyen, Tran Thi Thanh Thuy, Huynh Trung Hai, Mai Thanh Tung. Recovery rare earth oxide from NdFeB magnet of waste HDDs by leaching and selective precipitation methods. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam, ISSN 0866-708X, 2017, pp 257-264.
- + Ngô Huy Thành, Văn Diệu Anh, Huỳnh Trung Hải, Norihide Nakada. Tối ưu hóa điều kiện phân tích một số thành phần chất PPCP trên hệ thống sắc ký LC/QQQ. Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, ISSN 0868-3224, 2017, pp 112-117.
- + Duc-Quang Nguyen, Vinh-Hung Ha, Trung-Hai Huynh. Impact assessment of the extended production responsibility implementation in Vietnam: A study on electronic waste management. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam, ISSN 0866-708X, 2016, pp 42-48.
- + Ha Vinh Hung, Dao Duy Nam, Nguyen Thanh Trung, Nguyen Duc Quang, Huynh Trung Hai. Investigation of ability liberation of metals from printed circuit boards

by mechanical processes for physical separation processes. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam, ISSN 0866-708X 2016, pp 237-243

- Quốc tế:

- + Hoai Le Tran, Dieu-Anh Van\*, Duc Thao Vu, Trung Hai Huynh\*. Contamination of perfluorooctane sulfonic acid (PFOS) and perfluorooctanoic acid (PFOA) in sediment of the Cau River, Vietnam. Environmental Monitoring and Assessment, ISSN 1573-2959, 2022, SCIE, Q2, IF 2.513, citation 0.  
<https://link.springer.com/article/10.1007/s10661-022-10031-w>
- + Dieu-Anh Van, Thanh Huy Ngo, Trung Hai Huynh\*, Norihide Nakada, Florencio Ballesteros, Hiroaki Tanaka. Distribution of pharmaceutical and personal care products (PPCPs) in aquatic environment in Hanoi and Metro Manila. Environmental Monitoring and Assessment, ISSN 1573-2959, 2021, SCI, Q2, IF 2.513, 193: 847, citation 1.  
<https://doi.org/10.1007/s10661-021-09622-w>
- + Thanh Huy Ngo, Dieu Anh Van\*, Le Hoai Tran, Norihide Nakada, Hiroaki Tanaka, Hai Trung Huynh\*. Occurrence of pharmaceutical and personal care products (PPCPs) in Cau river, Vietnam. Environmental Science and Pollution Research, ISSN 0944-1344, 2021, Vol 28, pp 12082-12091, SCIE, Q2, IF 4.223, citation 15.  
<https://doi.org/10.1007/s11356-020-09195-0>
- + Loi Tan Huynh, Hidenori Harada\*, Shigeo Fujii, Lien Pham Hong Nguyen, Thu-Huong Thi Hoang, and Hai Trung Huynh. Green gas emission from blackwater septic systems. Environmental Science and Technology, ISSN 0013-936X/1520-5851, 2021, Vol 55 (2), pp 1209-1217, SCIE, Q1, IF 9.028, citation 3.  
<https://pubs.acs.org/doi/pdf/10.1021/acs.est.0c03418>
- + Hong Lien Nguyen, Anh Tuan Phung, Trung Kien Tran, Trung Hai Huynh, Bich Huong La, "Evaluating the Performance of a Diffusive Gradient in Thin Film Embedded with Montmorillonite for the Determination of Labile Cd, Pb, Mn, and Zn in Natural River Water", Journal of Chemistry, ISSN 2090-9063 (Print), 2090-9071 (Online), 2020, 12 pages (ID 1483909), ISI, Q2, IF 2.056, citation 0.  
<https://doi.org/10.1155/2020/1483909>
- + Huynh Trung Hai\*, Nguyen Duc Quang, Nguyen Trung Thang, Nguyen Hoang Nam. Circular economy in Vietnam, book chapter. "Circular Economy: Global Perspective". NXB Springer, 2020, ISBN 978-981-15-1051-9, citation 7.  
[https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-15-1052-6\\_22](https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-15-1052-6_22)
- + Huy Pham Khanh, Huyen Nguyen Thi Thu, Thuy Hoang Thi Bich, Tung Mai Thanh, Hai Huynh Trung. A comparative study on photocatalytic performance of Perovskite materials synthesized from discarded rare earth magnet with the one from pure neodymium salt. Chemical Engineering Transactions, ISSN 2283-9216, 2020, Vol 78, pp 295-300, Scopus, Q3.

<https://doi.org/10.3303/CET2078050>

- + H.P. Tran, T. Schaubroeck, D.Q. Nguyen, V.H. Ha, T.H Huynh, J. Dewulf. Material Flow Analysis for Management Waste TVs from Household in Urban areas of Vietnam. Resources, Conservation & Recycling, ISSN 0921-3449, 2018, Vol 139, pp 77-89, SCIE, Q1, IF 10.204, citation 30.  
<https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2018.07.031>
- + Huynh Trung Hai\*, Ha Vinh Hung & Nguyen Duc Quang. An overview of electronic waste recycling in Vietnam. Journal of Material Cycles and Waste Management, ISSN 1438-4957, 2017, Vol 19 (1), pp 536-544, SCIE, Q2, IF 2.900, citation 21.  
<https://link.springer.com/article/10.1007/s10163-015-0448-x>
- + Duc-Quang Nguyen, Vinh-Hung Ha, Yamasue Eiji, Trung-Hai Huynh. Material flows from Electronic Waste: Understanding the shortages for Extended Producer Responsibility Implementation in Vietnam. The 24th CIRP Conference on Life Cycle Engineering, Procedia CIRP 61, ISSN 2212-8271, 2017, pp 651 – 656, citation 10.  
<https://doi.org/10.1016/j.procir.2016.11.184>
- + Ha Phuong Tran, Feng Wang, Jo Dewulf, Trung-Hai Huynh, anh Thomas Schaubroeck. Estimation of the unregistered inflow of electrical and electronic equipment to a domestic market: a case study on televisions in Vietnam. Environmental Science and Technology, ISSN 0013-936X/1520-5851, 2016, Vol 50 (5), pp 2424-2433, SCIE, Q1, IF 9.028, citation 17.  
<https://pubs.acs.org/doi/10.1021/acs.est.5b01388>
- + Huong Pham Giang, Hidenori Harada, Shigeo Fujii, Pham Hong Lien Nguyen, Trung Hai Huynh. Transition of human and livestock waste management in rural Hanoi: a material flow analysis of nitrogen and phosphorus during 1980 – 2010. Material Cycles and Waste Management, ISSN 1438-4957, 2017, Vol 19 (2), pp 827–839, SCIE, Q2, IF 2.900, citation 11.  
DOI: 10.1007/s10163-016-0484-1
- + Takahiro Watari, Nguyen Thi Thanh, Natsumi Tsuruoka, Daisuke Takinawa, Kyohei Kuroda, Nguyen Lan Huong, Nguyen Minh Tan, Huynh Trung Hai, Masashi Hatamoto, Kazuaki Syutsubo, Masao Fukuda & Takaashi Yamaguchi. Development of a BR-UASB-DHS system for natural rubber processing wastewater treatment. Environmental Technology, ISSN 1479-487X, 2016, Vol 37 (4), pp 459-465, SCIE, Q2, IF 2.430, citation 12.  
DOI: 10.1080/09593330.2015.11117042

### **2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)**

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 01 cấp Nhà nước; 13 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

1. Biên soạn tài liệu về quan trắc môi trường cho sinh viên các ngành kỹ thuật môi trường, khoa học môi trường, 2017, mã số B2017-BKA-17-MT, nhiệm vụ sự nghiệp BVMT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ trì nhiệm vụ.
2. Nghiên cứu công nghệ xử lý các hợp chất hữu cơ bền vững có chứa nguyên tố Flo (FPOPs) trong nước thải sử dụng vật liệu hấp phụ - xúc tác, 12/2019-11/2022, đề tài độc lập cấp Nhà nước, mã số ĐTĐL.CN-67/19, chủ nhiệm đề tài.
3. Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý, xử lý pin năng lượng mặt trời thải, 07/2021-07/2023, đề tài Bộ Tài nguyên và Môi trường, mã số TNMT.2021.05.01, chủ nhiệm đề tài.

#### **2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)**

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có:..... sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có:..... tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có:..... thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

#### **2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ**

a) Tổng số: 03 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

- + Phạm Khánh Huy. Nghiên cứu thu hồi và định hướng ứng dụng kim loại đất hiếm trong các thiết bị điện, điện tử. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 2021, hướng dẫn phụ.
- + Phạm Thị Thanh Yên. Nghiên cứu đánh giá dư lượng một số chất kháng sinh trong nước và động vật thủy sinh trong một số hồ Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 2018, hướng dẫn chính.
- + Trần Phương Hà. The fate of e-waste in Vietnam: environmental evaluation of the current situation and the way forward, Ghen University, Vương quốc Bỉ, 2018, hướng dẫn phụ.
- + Lương Mai Hương. Ứng dụng đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA) để nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn ở Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng, 2018, hướng dẫn phụ.

### **3. Các thông tin khác**

**3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành**

*tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):*

**Bài báo khoa học:**

- Hoai Le Tran, Dieu-Anh Van\*, Duc Thao Vu, Trung Hai Huynh\*. Contamination of perfluorooctane sulfonic acid (PFOS) and perfluorooctanoic acid (PFOA) in sediment of the Cau River, Vietnam. *Environmental Monitoring and Assessment*, ISSN 1573-2959, 2022, SCIE, Q2, IF 2.513, citation 0. <https://link.springer.com/article/10.1007/s10661-022-10031-w>
- Dieu-Anh Van, Thanh Huy Ngo, Trung Hai Huynh\*, Norihide Nakada, Florencio Ballesteros, Hiroaki Tanaka. Distribution of pharmaceutical and personal care products (PPCPs) in aquatic environment in Hanoi and Metro Manila. *Environmental Monitoring and Assessment*, ISSN 1573-2959, 2021, SCI, Q2, IF 2.513, 193: 847, citation 1. <https://link.springer.com/article/10.1007/s10661-022-10031-w>
- Văn Diệu Anh, Huỳnh Trung Hải\*, Ngô Huy Thành. Đánh giá kỹ thuật chiết siêu âm trong phân tích dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc cá nhân (PPCPs) trong mẫu trầm tích sông. *Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học*, ISSN 0868-3224, 3A 2021, pp 103-109.
- Thanh Huy Ngo, Dieu Anh Van\*, Le Hoai Tran, Norihide Nakada, Hiroaki Tanaka, Hai Trung Huynh\*. Occurrence of pharmaceutical and personal care products (PPCPs) in Cau river, Vietnam. *Environmental Science and Pollution Research*, ISSN 0944-1344, 2021, Vol 28, pp 12082-12091, SCIE, Q2, IF 4.223, citation 15. <https://doi.org/10.1007/s11356-020-09195-0>
- Huynh Trung Hai\*, Nguyen Duc Quang, Nguyen Trung Thang, Nguyen Hoang Nam. Circular economy in Vietnam, book chapter. "Circular Economy: Global Perspective". NXB Springer, 2020, ISBN 978-981-15-1051-9, citation 7.
- Huynh Trung Hai\*, Ha Vinh Hung & Nguyen Duc Quang. An overview of electronic waste recycling in Vietnam. *Journal of Material Cycles and Waste Management*, ISSN 1438-4957, 2017, Vol 19 (1), pp 536-544, SCIE, Q2, IF 2.900, citation 21. <https://link.springer.com/article/10.1007/s10163-015-0448-x>
- Ha Vinh Hung, Huynh Trung Hai\*. Improvement of copper electrowinning condition from leached solution of printed circuit boards. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam*, ISSN 0866-708X, 2015, pp 109-114.
- Huỳnh Trung Hải, Trần Anh Tuấn. Nghiên cứu điều kiện tổng hợp phosphorylat lignin (PhL) từ lignin. *Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ*, ISSN 0866-7411, 2015, pp 179-183.
- Tran Dac Chi, Ha Vinh Hung, Nguyen Duc Quang, I-Ming Chen, Huỳnh Trung Hải\*. Hazardous waste generated from material recovery from waste electrical and electronic equipment in Vietnam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam*, ISSN 0866-708X, 2014, pp 168-174.
- Đỗ Quang Trung, Hà Vĩnh Hưng, Huỳnh Trung Hải\*. Nghiên cứu sản xuất bê tông nhẹ từ thủy tinh bóng đèn hình (CRTs) của tivi thải. *Tạp chí Khoa học và*

Công nghệ, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam, ISSN 0866-708X, 2013, pp 266-272.

- Hai Trung Huynh. Waste management under the resource perspective. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, ISSN 1859-1531, 2011, pp 51-58.
- Nguyen Thi Anh Tuyet, Huynh Trung Hai\*. Benefits of the 3R Approach for Livestock Waste Management in Vietnam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật, ISSN 0868-3980, 2010, pp 97-101.
- Huynh Trung Hai. Industrial standards and roles of stakeholders in 3R implimentation in Vietnam, book chapter. "3R policies for Southeast and East Asia". NXB Economic Research Institute for ASEAN and East Asia, 2010, mã số 978-602-8660-25-9.
- Huynh Trung Hai, Vo Thi Le Ha. Recovery of hexavelent chromium from electroplating aqueous solution by anion- exchange resins. Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật, ISSN 0868-3980, 2010, pp 85-90.
- Huynh Trung Hai, Nguyen Duc Quang. E-waste: current status and perspectives in Vietnam. Tuyển tập các báo cáo khoa học hội nghị khu vực lần thứ 2 AUN/SEED-Net về môi trường toàn cầu, 8-9/03/2010, Thành phố Hồ Chí Minh, 191-2010/CXB/02-08, pp 180-189.
- Huỳnh Trung Hải và Trần Lệ Minh. Nghiên cứu xử lý Niken, Kẽm, Đồng và Chì trong môi trường Nitrat bằng vỏ ngao. Tuyển tập các báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học phân ban KH và CN Môi trường lần thứ 20 của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 2006, 547-2006/CXB/05-68/BKHN, pp 66-72, 547-2006/CXB/05-68/BKHN.
- Đặng Kim Chi, Nghiêm Trung Dũng, Huỳnh Trung Hải\*. Một số kinh nghiệm bước đầu trong công tác quan trắc môi trường công nghiệp. Tuyển tập các báo cáo khoa học hội nghị môi trường toàn quốc 2005, Hà Nội, pp 26-31.
- Huynh Trung Hai\*, Tran Le Minh and Mikiya Tanaka. Removal of Lead, Copper, and Zinc from an Aqueous Nitrate Medium with a Coconut Fiber. Tuyển tập các báo cáo khoa học hội nghị khoa học khu vực về kỹ thuật hóa học, Hà Nội, 30/11-02/12, 2005, 5-54-6C7/KHKT-05, pp 68-71.
- H.T. Huynh\*, C.K. Dang and N.V. Tran. Metal Recycling in the Craft Villages of Vietnam. Transaction of the Materials Research Society of Japan, ISSN 1382-3469, 2004, pp 1839-1842.
- Huynh Trung Hai\*, Tran Le Minh, Mikiya Tanaka. Apility of a Natural Fiber to Remove Lead and Zinc from an Aqueous Nitrate Medium. Tuyển tập các báo cáo khoa học hội nghị khoa học quốc tế về Công nghệ xanh để tái chế vật liệu và tài nguyên, Seoul, Korea, November 2004, ISBN 89-952527-1-593530, pp 479-486.
- Hai T. Huynh and Mikiya Tanaka. Removal of Bi, Cd, Co, Cu, Ni, Pb, and Zn from an Nitrate Medium with Bis(2-ethylhexyl)phosphoric Acid-Impregnated Kapok Fiber. Industrial & Engineering Chemistry Research, ISSN 0888-5885, 2003, Vol 42 (17), pp 4050-4054, SCIE, Q1, IF 1.428, citation 29. <https://doi.org/10.1021/ie020794l>

- Hai Trung Huynh and Mikiya Tanaka. Removal of Nickel from Electroless Nickel Plating Rinse Water with Di(2-ethylhexyl)phosphoric Acid-Impregnated Supports. Solvent Extraction and Ion Exchange, ISSN 0763-6299, 2003, Vol 21 (2), pp 291-305, SCIE, Q2, IF 1.389, citation 5. <https://doi.org/10.1081/SEI-120018951>
- H.T. Huynh, M. Tanaka. Removal of Nickel from Electroless Nickel Plating Rinse Water with Extractant-Impregnated Supports. Proceedings of the 7th International Symposium on Environmental Issues and Waste Management in Energy and Mineral Production, Cagliari, Sardinia, Italy, October 2002, ISBN 88-900859-0-4, pp 479-486.
- Huỳnh Trung Hải\*, Flid V.R. Hoạt hóa CO<sub>2</sub> bằng các phức chất Bis- $\pi$ -Allyl của Nickel và Palladium. Tuyển tập các báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học Viện Hóa học 1993-1994, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia tại Hà Nội, 2/1995, pp 62-65.

***Giáo trình:***

- Huỳnh Trung Hải (Chủ biên), Hà Vĩnh Hưng, Nguyễn Đức Quảng. Tái sử dụng và tái chế chất thải. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2016, mã số 978-604-67-0702-8.
- Huỳnh Trung Hải (Chủ biên), Văn Diệu Anh. Phân tích chất lượng môi trường. NXB Bách khoa, Hà Nội, 2016, mã số 978-604-93-8859-0.

***Sách tham khảo:***

- Huỳnh Trung Hải, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Vũ Minh Trang, Nguyễn Thị Hoài Thu. Quản lý chất thải nhằm phát triển nông nghiệp bền vững. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2012, mã số 978-604-67-0023-4.
- Nguyễn Văn Kiệt, Huỳnh Trung Hải. Quan trắc nước thải công nghiệp. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2006, mã số 136-2006/CXB/191-06/KHKT.

***3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):***

.....

***3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):***

Chỉ số ORCID: 0000 0002 9041 6960. Theo Google Scholar: H-index: 13, số lượt trích dẫn: tổng 787 và 532 từ 2017

***3.4. Ngoại ngữ***

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Anh, Nga
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Thành thạo

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

**NGƯỜI KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Huỳnh Trung Hải*

